

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGS-ST  
Ngày: 24-12-2021  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Miên và bà Lê Thị Thao.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:***  
Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 146/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1989 (có mặt).

ĐKKH: Thôn MH, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: Thôn AL, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn MH, xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/11/2013 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa

phương. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, luôn xảy ra bất đồng về quan điểm, về tính cách khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong cuộc sống anh B là người sống không có trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình, vợ con, mọi công việc đều do mình chị lo toan gánh vác. Anh chị đã nhiều lần trò chuyện để cùng nhau tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung trở lên căng thẳng mệt mỏi, không còn đem lại hạnh phúc, không còn sự yêu thương quan tâm với nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không có biện pháp gì để hàn gắn, nếu có níu kéo duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc mà chỉ thêm căng thẳng, mệt mỏi cho cả anh chị. Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

*Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh và chị Trần Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng vào ngày 20/11/2013. Anh chị chung sống được khoảng 05 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có lối sống trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, cuộc sống không còn sự yêu thương, quan tâm chia sẻ với nhau mà đối xử với nhau lạnh nhạt, không có sự tôn trọng nhau, tình cảm rạn nứt ngày càng có khoảng cách. Tuy sống chung một nhà nhưng anh chị không trò chuyện với nhau, nhiều lần anh chị cùng nhau tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không mang lại kết quả. Tháng 8 năm 2021 vợ chồng xảy ra xích mích chị N đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh nhiều lần tìm đón chị về nhưng chị kiên quyết không về chung sống cùng anh. Bản thân anh xác định tình cảm không còn, không có biện pháp gì để hàn gắn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị N làm đơn ly hôn, anh cũng nhất trí. Do điều kiện công việc cuối năm của anh bận nên anh không đến tham dự phiên tòa, anh đã làm đơn đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt.

Về quan hệ con chung: Anh chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 28/2/2015 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/9/2016. Anh chị thống nhất, thỏa thuận khi ly hôn chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung là Nguyễn Thảo V cho đến khi thành niên. Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nam P cho đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị N) trình bày:* Chị N và anh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong cuộc sống anh chị có nảy sinh mâu thuẫn, nhiều lần chị N về tâm sự với gia đình vợ chồng không được hòa hợp hay xảy ra cãi nhau không còn tình cảm với nhau. Trước đó nhiều lần chị N đã bỏ về nhà để sống ly thân với anh B. Khi biết mâu thuẫn của anh chị, gia đình đã động viên hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được tháo gỡ. Nay chị N làm đơn xin ly hôn đó là chuyện riêng của anh chị tự giải quyết, nếu không tự giải quyết được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ anh B) trình bày:* Quá trình anh chị sống chung hay xảy ra cãi vã, đối xử với nhau lạnh nhạt, không có sự quan tâm chia sẻ. Do anh B chị N chênh lệch về tuổi tác nên trước khi kết hôn gia đình cũng đã khuyên bảo anh chị phải tìm hiểu cho kỹ. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng động viên hoà giải, hàn gắn nhưng không được. Gia đình tôn trọng quyết định của anh chị.

*Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp:* Anh B và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Qua nắm bắt thực tế tại cơ sở thôn anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên toà:** Nguyên đơn chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thảo V cho đến khi thành niên, nhất trí để anh B nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nam P đến khi thành niên và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/9/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 28/2/2015 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị N và anh B không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn B là bị đơn đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống, cư trú tại xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bất đồng tính cách dẫn đến không tìm được tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt, ngày càng có khoảng cách. Khi nảy sinh mâu thuẫn anh chị không tìm cách hàn gắn tháo gỡ mà sống ly mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “...vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Nay anh chị đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể quay về tiếp tục chung sống cùng nhau được. Chị N xin ly hôn anh B nhất trí, điều đó khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị xác định quá trình chung sống có hai con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 28/2/2015 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/9/2016. Anh chị đều nhất trí thỏa thuận để chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thảo V đến khi thành niên, anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nam P đến khi thành niên và tự thỏa thuận không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét thỏa thuận của các bên đương sự là sự tự nguyện,

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/9/2016 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 28/2/2015 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn B không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2020/0002026 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Trần Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Những nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Hà**